

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KM
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2020/HS- ST

Ngày: 24/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KM, TỈNH HẢI DƯƠNG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Bình

** Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thăng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã KM.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KM mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2020/TLST- HS ngày 24 tháng 11 năm 2020; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Minh D - sinh ngày 22/12/2001

Nơi cư trú: Khu dân cư TC, phường T1D1, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đỗ Văn K1 và bà Bùi Thị H; Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 04/9/2020 đến ngày 07/9/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. Có mặt.

- Người bị hại: Ông Đỗ Văn K1, sinh năm 1973 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1978, đều ở địa chỉ: Khu dân cư TC, Phường T1D1 – thị xã KM – tỉnh Hải Dương.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Triệu Quang N, sinh năm 1977 và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985, đều ở địa chỉ: Khu dân cư D2L – phường D3T2 – thị xã KM – tỉnh Hải Dương. *Đề nghị vắng mặt.*

- **Người làm chứng:** Anh Trương Văn K2, sinh năm 1972, địa chỉ: Khu 4 – phường PT3 – thị xã KM – tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng gần 08 giờ ngày 19/8/2020, tại nhà nghỉ H2A, địa chỉ: H3S- KM, Đỗ Minh D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bố mẹ là ông Đỗ Văn K1 và bà Bùi Thị H, địa chỉ: TC - T1D1 - KM - Hải Dương để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. D điện thoại cho ông Đỗ Văn K1 thì biết không có ai ở nhà. D liền đi bộ ra khu vực ngã tư P1S1 - AL1 - KM thuê xe taxi của một người đàn ông tên là B, trú tại: P2T4 - KM chở về nhà. Khi đi đến khu vực ngã tư L2S2 – PT3 - KM, D thuê của ông Trương Văn K2 - sinh năm 1972, trú tại: Khu dân cư số 4 - phường PT3 - thị xã KM lái xe máy kéo thuê đến nhà D để chở đồ. Khoảng 08 giờ cùng ngày, khi về đến nhà, D thấy cổng không khóa nên mở cổng đi vào phía cửa bếp lấy chìa khóa nhà cất ở mũ bảo hộ để bên trái cửa bếp. Sau đó D mở cửa bếp rồi nhờ B bê 01 tủ lạnh nhãn hiệu Sharp SJ-X251E-DS, rerial No N190225989 dung tích 150 lít ra để lên thùng xe kéo của ông K2. Rồi D và B tiếp tục vào nhà tắm bê 01 chiếc máy giặt Panasonic loại cửa trên model NA-F90A4 SerNo 19N1100.204, khối lượng 09kg ra để trên thùng xe kéo. D nói với B và ông K2 là chuyển đồ đến nhà trọ. Sau đó, D lên xe taxi đi trước, ông K2 chở xe kéo theo sau. Khi đi đến cửa hàng mua bán đồ điện lạnh cũ của vợ chồng anh Triệu Quang N - sinh năm 1977 và chị Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1982 ở Khu dân cư D2L - phường D3T2 - thị xã KM - tỉnh Hải Dương thì D bảo ông K2 dừng xe lại, D nhờ B khiêng máy giặt, tủ lạnh vào cửa hàng nhà anh N rồi bán cho vợ chồng anh N với giá 3.900.000 đồng. Sau khi nhận tiền, D trả tiền xe taxi cho B 500.000 đồng và trả tiền công cho ông K2 300.000 đồng, số tiền còn lại D chi tiêu cá nhân hết. Còn ông K2 do quen biết ông K1 và nghi ngờ D trộm cắp tài sản của vợ chồng ông K1 nên khoảng 11 giờ cùng ngày ông K2 đến gặp ông K1 kể lại sự việc trên cho ông K1 biết. Ông K1 đã trình báo Công an phường T1D1. Ngày 04/9/2020, D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã KM đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 75 ngày 21/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thị xã KM, kết luận: 01 máy giặt Panasonic loại cửa trên model NA-F90A4 SerNo 19N1100.204, khối lượng giặt tối đa 09 kg có trị giá 5.890.000 đồng; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Sharp SJ-X251E-DS, rerial No N190225989 dung tích 150L có trị giá 7.410.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 13.300.000 đồng.

Về vật chứng: Anh Triệu Quang N đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã KM 01 máy giặt Panasonic loại cửa trên model NA-F90A4 SerNo 19N1100.204, khối lượng giặt tối đa 09 kg, 01 tủ lạnh nhãn hiệu Sharp SJ-X251E-DS, rerial No N190225989 dung tích 150 lít. Ngày 17/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã KM đã trả lại cho ông K1, bà H các tài sản trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh N, chị H1 yêu cầu Đỗ Minh D phải trả lại số tiền 3.900.000 đồng, hiện D chưa hoàn trả.

Tại bản cáo trạng số: 75/CT- VKS ngày 24 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM truy tố bị cáo Đỗ Minh D về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo D và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Minh D phạm tội Trộm cắp tài sản.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Minh D từ 12 đến 15 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2020.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo D;

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, xử: Buộc bị cáo Đỗ Minh D phải có trách nhiệm thanh toán trả cho anh Triệu Quang N và chị Nguyễn Thị H1 số tiền là 3.900.000 đồng;

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án, bị cáo D phải nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Bị cáo Đỗ Minh D khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt;

*Người bị hại xác định đã nhận lại các tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã đ□c tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nh□ sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an thị xã KM, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã KM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và ng□ời tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, ng□ời tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, ng□ời tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo D tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo đã khai nhận trong quá trình điều tra. Căn cứ vào lời khai của bị cáo; lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu liên quan khác được thu thập trong quá trình điều tra, hiện có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 19/8/2020, tại nhà ở của vợ chồng ông Đỗ Văn K1 và bà Bùi Thị H, địa chỉ: Khu dân cư TC - phường T1D1 - thị xã KM - tỉnh Hải Dương, lợi dụng vợ chồng ông K1 không có nhà, Đỗ Văn D có hành vi trộm cắp của vợ chồng ông K1: 01 máy giặt Panasonic loại cửa trên model NA-F90A4 SerNo 19N1100.204, khối lượng giặt 09 kg trị giá là 5.890.000 đồng, 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu Sharp SJ-X251E-DS, serial No N190225989 dung tích 150 lít trị giá là 7.410.000 đồng.

Xét, việc bị cáo D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản thuộc quyền sở hữu của ông K1, bà H có tổng trị giá là 13.300.000 đồng nên việc Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM truy tố bị cáo D về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm cho quần chúng nhân dân trên địa bàn thị xã KM không yên tâm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

Bị cáo D là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức được hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì muốn có tiền để tiêu sài cho bản thân vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải có mức hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và góp phần vào việc phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng xét việc trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *Người phạm tội thành khẩn khai báo* theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét, tài sản bị cáo đã trộm cắp giá trị không lớn, lần đầu phạm tội nên bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng* theo điểm i khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự. Tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả tội phạm mà bị cáo đã gây ra cho xã hội nên cần phải có mức hình phạt phù hợp dành cho bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới giúp bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân sống có ích cho xã hội sau này;

Về hình phạt bổ sung: Xét, bị cáo D trước khi phạm tội không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Hiện người bị hại đã nhận lại các tài sản bị cáo D đã trộm cắp, không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường về dân sự nên không phải xem xét giải quyết là đúng quy định.

Xét, việc anh N và chị H1 sau khi mua máy giặt, tủ lạnh đã trả cho bị cáo D số tiền 3.900.000 đồng. Sau đó đã giao nộp các tài sản này cho Cơ quan điều tra- Công an thị xã KM để trả lại cho người bị hại. Hiện số tiền 3.900.000 đồng bị cáo D đã chi tiêu cá nhân hết, chưa hoàn trả lại cho anh N, chị H1 nên nay anh N và chị H1 yêu cầu bị cáo D thanh toán trả số tiền này là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu này của anh N, chị H1.

[4]. Về án phí: Bị cáo được xác định là phạm tội và phải bồi thường dân sự nên phải nộp án phí sơ thẩm hình sự và dân sự theo quy định.

Trong vụ án này, đối với người thanh niên tên là B lái xe taxi chở D và giúp D bê tài sản. Anh B không biết tài sản do D phạm tội mà có. Xác minh tại Công an phường P2T4 xác định không có ai tên là B làm nghề lái xe taxi, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với anh B là đúng quy định của pháp luật nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án;

Đối với ông Trương Văn K2 được D thuê chở tủ lạnh và máy giặt đi bán; vợ chồng anh Triệu Quang N, chị Nguyễn Thị H1 mua tủ lạnh, máy giặt nhưng không biết tài sản do D phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với ông K2, anh N, chị H1 là đúng quy định của pháp luật nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án;

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; khoản 1 Điều 48; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án đối với bị cáo D.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Minh D phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Minh D 13 (mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2020.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Đỗ Minh D phải có trách nhiệm thanh toán trả cho anh Triệu Quang N và chị Nguyễn Thị H1 số tiền là 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng);

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền đề nghị thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không trả hoặc không trả đầy đủ thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả xác định theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015;

4. *Về án phí, xử:* Buộc bị cáo Đỗ Minh D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hình sự và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự.

5. *Quyền kháng cáo:* Báo cho bị cáo, người bị hại biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự 2008, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

** Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND thị xã KM;
- Công an thị xã KM;
- Chi cục THADS thị xã KM;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Người bị hại; Người có qlnv liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.
- Lưu hs. VP.

Phạm Anh Tuyết